TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG H3 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
*Số : **02**/2023/QĐST - DS*	*K, ngày 03 tháng 04 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 24 tháng 03 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 01/2023/TLST – DS ngày 13 tháng 02 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. C1 nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Vũ Thị H,** sinh năm 1958; ĐKHKTT và trú tại: Xóm 11, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Bị đơn: **Anh Trần Văn T**, sinh năm 1989 và **chị Phạm Thị N**, sinh năm 1988; ĐKHKTT và trú tại: Xóm 11, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Vũ Thị N1, sinh năm 1949. ĐKHKTT và trú tại : xóm 4, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình .

- Bà Vũ Thị H1, sinh năm 1953. ĐKHKTT và trú tại: Ấp S, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- Bà Vũ Thị T1 , sinh năm 1951**.** ĐKHKTT và trú tại: xóm 6, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Vũ Thị C, sinh năm 1955. ĐKHKTT và trú tại: Xóm 11, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Vũ Thị L, sinh năm 1960. ĐKHKTT: Xóm 4, Q, xã H, huyện K, tỉnh Nình Bình.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về phương thức phân chia di sản thừa kế cụ thể như sau:

2.1.1. Chia và giao cho bà Vũ Thị H và bà Vũ Thị C sử dụng chung quyền sử dụng đất diện tích là 1509,3m^2. Trong đó có 144,8m^2 đất ở nông thôn; 774,8m^2 đất trồng cây lâu năm và 589,7m^2 đất nuôi trồng thủy sản. Tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 6P5 bản đồ địa chính xã H năm 1996. Hiện nay là thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 22, bản đồ địa chính xã H lập năm 2016. Địa chỉ thửa đất tại xóm 11, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Với chiều cạnh kích thước cụ thể như sau:

Phía Đông giáp đất của ông H2, đất Ủy ban và đất ông H3 có kích dài 28,82m + 21,36m+ 16,37m.

Phía Tây giáp phần đất chia và giao cho anh Trần Văn T và chị Phạm Thị N dài 65,16m

Phía Nam giáp đất Từ đường họ dài 6,76m + 12,09m (ranh giới được xác định bao gồm tường bao cũ đã xây).

Phía Bắc giáp với đường xóm dài 22,20m

(Có sơ đồ ký hiệu S1 kèm theo).

Đồng thời giao cho bà Vũ Thị H và bà Vũ Thị C đồng sở hữu các tài sản được xây dựng trên phần đất trên bao gồm: Nhà ở một tầng; nhà bếp một tầng, lán tôn, bể nước, tường bao (phía cổng), cột cổng và nhà một tầng đã cũ do cụ T2 xây dựng năm 1990. Những tài sản trên do bà H và bà C ở cùng nhau vay mượn và trực tiếp xây dựng nên thuộc quyền sở hữu của bà H và bà C.

Tổng giá trị quyền sử dụng các loại đất chia và giao cho bà Vũ Thị H và bà Vũ Thị C đồng sử dụng là: 677.676.800đ.

2.1.2 Chia và giao cho vợ cH1 anh Trần Văn T và bà Phạm Thị N diện tích 795,5m^2 đất trong đó có 65,2m^2 đất ở nông thôn, 438,4m^2 đất trồng cây lâu năm và 291,9m^2 đất nuôi trồng thủy sản. Tại thửa đất số 48, tờ bản đồ số 6P5 bản đồ địa chính xã H năm 1996. Hiện nay là thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 22, bản đồ địa chính xã H lập năm 2016. Địa chỉ thửa đất tại xóm 11, xã H, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Với chiều cạnh kích thước cụ thể như sau:

Phía Đông giáp phần đất giao và chia cho bà C và bà H dài 65,16m.

Phía Tây giáp phần nhà ông C1, đất ông C2 dài 3,08m + 51,90m + 7,81m

Phía Nam giáp đất Từ đường họ dài 1,93m + 1,06m+ 4,64m+ 4,92m (ranh giới được xác định bao gồm tường bao cũ đã xây).

Phía Bắc giáp với đường xóm dài 12,70m

(Có sơ đồ ký hiệu S2 kèm theo).

Giao cho anh Trần Văn T và chị Phạm Thị N sở hữu các tài sản được xây dựng trên phần đất trên bao gồm: Nhà ở một tầng, nhà bếp, nhà kho, nhà chăn nuôi, bể nước, tường bao, cổng. Những tài sản trên do vợ chồng anh T chị N xây dựng nên thuộc quyền sở hữu của anh T, chị N.

Tổng giá trị quyền sử dụng các loại đất chia và giao cho anh Trần Văn T và chị Phạm Thị N sử dụng là: 317.179.200đ

Các bên đương sự không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho nhau.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất mình được chia và giao quyền sử dụng theo thỏa thuận.

2.2 Về án phí: Bà Vũ Thị H và bà Vũ Thị C được miễn án phí dân sự sơ thẩm do bà H, bà C thuộc đối tượng người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí

Anh Trần Văn T và chị Phạm Thị N phải nộp 7.929.000đ (*bảy triệu chín trăm hai mươi chín nghìn đồng*) (đã làm tròn) án phí án phí dân sự sơ thẩm để sung ngân sách nhà nước

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được ban hành theo quy định tại tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện K.
- Chi cục THA dân sự huyện K.
- Các đương sự;
- UBND xã H
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Trần Thị Khanh